|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2017* |

BÁO CÁO

Đánh giá tác động chính sách trong

**Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp**

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Trong thời gian qua, Quốc hội đã ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung nhiều đạo luật quan trọng nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, trong đó có Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp. Các đạo luật này đã góp phần xóa bỏ rào cản về đầu tư, kinh doanh không phù hợp với kinh tế thị trường và cam kết hội nhập của Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư.

Đặc biệt, Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp đã bãi bỏ các yêu cầu, điều kiện tại thời điểm thành lập doanh nghiệp; đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian thành lập doanh nghiệp, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài; bãi bỏ thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư trong nước; tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động trong quá trình hoạt động kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

Bên cạnh kết quả đạt được, thực tiễn hơn hai năm thi hành Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp đã đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện hơn nữa các luật này bởi những lý do sau đây

*Một là,* theo quy định tại Điều 8 Luật Đầu tư, Quốc hội giao Chính phủ, căn cứ điều kiện phát triển kinh tế, xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, tiến hành rà soát ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện để trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung các Điều 6, 7 của Luật này theo trình tự, thủ tục rút gọn.

 Do vậy, việc tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục nhằm xóa bỏ rào cản trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, tạo thuận lợi cho việc gia nhập thị trường của người dân và doanh nghiệp.

*Hai là,* Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp có quy mô và mức độ cải cách lớn liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước và được triển khai trong bối cảnh một số luật khác được ban hành với những cách tiếp cận khác nhau nên quá trình thực hiện đã không tránh khỏi một số vướng mắc phát sinh từ sự thiếu đồng bộ về phạm vi điều chỉnh giữa các Luật này với các luật có liên quan.

Thực tế cho thấy, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở và một số luật chuyên ngành khác…cũng điều chỉnh hoạt động đầu tư với phạm vi và mức độ khác nhau, nhưng chưa có sự phân định rõ ràng về phạm vi điều chỉnh, dẫn đến nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện.

*Ba là,* mặc dù đã có nhiều cải cách theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhưng một số quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp còn thiếu cụ thể, chưa thật sự bảo đảm tính khả thi, cụ thể là:

- Luật Đầu tư chưa quy định cụ thể về khái niệm, mục đích, giá trị pháp lý, phạm vi áp dụng của thủ tục quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với từng hình thức đầu tư và nguồn vốn sử dụng, đồng thời chưa phân định rõ thủ tục quyết định chủ trương đầu tư với thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tương ứng của Luật Đất đai và Luật Đấu thầu. Luật cũng chưa có quy định hợp lý về phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính cũng như thực tiễn hoạt động đầu tư.

- Một số quy định của Luật Đầu tư về hình thức đầu tư, thủ tục thành lập tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, thủ tục góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và thủ tục triển khai dự án đầu tư (như điều chỉnh, tạm ngừng, giãn tiến độ, chấm dứt dự án đầu tư…) còn một số nội dung thiếu cụ thể, khả thi và đồng bộ với quy định của các luật có liên quan.

- Luật Đầu tư chưa làm rõ mục đích, giá trị pháp lý của việc thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cũng như thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và quản lý hoạt động đầu tư ở nước ngoài theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài. Hình thức đầu tư ra nước ngoài chưa thật sự phù hợp với thông lệ quốc tế và phù hợp với thực tiễn hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam.

- Quy định của Luật Doanh nghiệp về việc áp dụng luật chuyên ngành liên quan đến thủ tục thành lập doanh nghiệp dẫn đến phân tán đầu mối đăng ký thành lập doanh nghiệp, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi có yêu cầu thay đổi hoạt động kinh doanh. Một số quy định về quản trị doanh nghiệp thiếu linh hoạt, thiếu khả thi, tạo gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Mục tiêu tổng quát của xây dựng Dự án Luật này là nhằm tiếp tục tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch, bình đẳng, an toàn và thân thiện cho mọi người dân, doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư kinh doanh.

Những mục tiêu cụ thể Dự án Luật này gồm:

*Một là,* hoàn thiện các quy định của Luật Đầu tư về cơ chế kiểm soát ban hành quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, đồng thời tiếp tục cắt giảm ngành, nghề và điều kiện kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý nhằm tạo thuận lợi cho việc gia nhập thị trường của người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thực hiện đầy đủ, nhất quán quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà Luật không cấm.

*Hai là,* tiếp tục giải quyết những khó khăn trong hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp, đặc biệt là những vướng mắc trong việc áp dụng các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục đầu tư nhằm tạo điều kiện để nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư với thủ tục đơn giản hơn và chi phí thấp hơn.

*Ba là,* hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện các quy định về triển khai dự án đầu tư và cơ chế phân cấp giữa các cơ quan trung ương và cơ quan địa phương trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh.

**3. Xác định một số chính sách có khả năng tác động lớn**

Để thực hiện các mục tiêu, quan điểm và yêu cầu nêu trên, Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp, tập trung vào 05 nhóm chính sách sau đây:

- Nhóm các quy định về phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng luật và điều ước quốc tế có liên quan;

- Nhóm các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh;

- Nhóm các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và bảo đảm đầu tư;

- Nhóm các quy định thủ tục và quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và đầu tư ra nước ngoài;

- Nhóm các quy định về thủ tục đăng ký doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA MỘT SỐ CHÍNH SÁCH TRONG DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI LUẬT ĐẦU TƯ**

**1. Chính sách 1:**

Hoàn thiện các quy định về phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng Luật Đầu tư và các Luật có liên quan.

***1.1. Xác định vấn đề bất cập***

Luật Đầu tư năm 2014 quy định khung chính sách chung về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài. Luật không quy định các hoạt động đầu tư kinh doanh đặc thù cũng như hoạt động sử dụng, quản lý, giám sát vốn nhà nước theo quy định của Luật đầu tư công và Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Thực tế cho thấy, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp cũng điều chỉnh hoạt động đầu tư với phạm vi và mức độ khác nhau, nhưng chưa có sự phân định rõ ràng về phạm vi điều chỉnh với Luật Đầu tư, dẫn đến nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện.

Bên cạnh đó, Luật Đầu tư đã loại trừ trình tự, thủ tục đầu tư trong lĩnh vực chứng khoán, tín dụng, bảo hiểm và dầu khí. Tuy nhiên, các ngoại lệ này chưa bao quát hết các hoạt động đầu tư đặc thù, trong đó có hoạt động đầu tư trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

***1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Bảo đảm tính minh bạch, khả thi và thống nhất của hệ thống pháp luật về đầu tư kinh doanh.

***1.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề và tác động của giải pháp***

*1.3.1. Sửa đổi Điều 1 để quy định rõ phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư và loại trừ các hoạt động đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của các Luật khác, gồm: Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp*

Theo đó, Luật Đầu tư quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài. Luật này không điều chỉnh:

- Việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; quản lý nhà nước về đầu tư công; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công;

- Việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và giám sát việc đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

*Đánh giá tác động của giải pháp:*

- Phân định rõ phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư với Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào sản xuất, kinh doanh và Luật Đầu tư công; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, tạo sự thống nhất trong hệ thống pháp luật về đầu tư kinh doanh;

- Xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư.

*1.3.2. Sửa đổi khoản 2 Điều 4 của Luật Đầu tư để cụ thể hóa nguyên tắc áp dụng Luật Đầu tư và các luật liên quan trên cơ sở phân định rõ hoạt động đầu tư được điều chỉnh theo Luật này và hoạt động đầu tư đặc thù được điều chỉnh theo các luật khác, gồm hoạt động đầu tư trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, dầu khí và hàng không.*

Theo đó, trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Đầu tư và Luật khác về trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh thì thực hiện theo quy định của Luật này, trừ trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh theo quy định tại Luật chứng khoán, Luật các tổ chức tín dụng, Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật hàng không dân dụng và Luật dầu khí.

*Đánh giá tác động của giải pháp:*

- Minh bạch trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh nói chung và trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, dầu khí và hàng không nói riêng.

- Việc bổ sung lĩnh vực hàng không vào các trường hợp không thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư sẽ khắc phục tình trạng trùng lắp thủ tục đầu tư trong lĩnh vực này.

***1.4. Kết luận, kiến nghị***

Các giải pháp nêu trên đã phân định rõ phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư với các Luật có liên quan, tạo thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

**2. Chính sách 2**

Hoàn thiện các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

***2.1. Xác định vấn đề bất cập***

- Các khái niệm: “đầu tư kinh doanh”, "kinh doanh", “điều kiện đầu tư kinh doanh” chưa đủ rõ để phản ánh đầy đủ nội hàm của các thuật ngữ này; trong đó, khái niệm “điều kiện đầu tư kinh doanh” chưa phân định rõ với các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; chưa làm rõ mối quan hệ giữa “đầu tư kinh doanh” với “kinh doanh” và chưa có khái niệm “điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài” để phân biệt với “điều kiện đầu tư kinh doanh”.

- Theo quy định tại Điều 8 Luật Đầu tư, việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục nhằm xóa bỏ rào cản trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, tạo thuận lợi cho việc gia nhập thị trường của người dân và doanh nghiệp.

Quá trình rà soát cho thấy cần phải tiếp tục bãi bỏ một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện vì những ngành, nghề này không thật sự cần thiết, không rõ mục tiêu quản lý nhà nước và thiếu tính khả thi.

***2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Nâng cao tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả của việc áp dụng các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; bảo đảm thực hiện đầy đủ, nhất quán quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà Luật không cấm.

- Tiếp tục cắt giảm một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không cần thiết, thiếu tính khả thi nhằm xóa bỏ rào cản gia nhập thị trường, giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp.

***2.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề và tác động của giải pháp***

*2.3.1 Sửa đổi, bổ sung các khái niệm: “đầu tư kinh doanh”, "kinh doanh", “ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện”, “điều kiện đầu tư kinh doanh” và “điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài” để làm rõ hơn nội hàm của các khái niệm này. Cụ thể:*

- Sửa đổi Khoản 5 và bổ sung Khoản 5a, 5b, 5c vào Điều 3 như sau:

“5. Đầu tư kinh doanh là việc bỏ vốn đầu tư nhằm mục đích kinh doanh.”

“5a. Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.”

“5b. Điều kiện đầu tư kinh doanh là điều kiện cá nhân, tổ chức phải đáp ứng để được kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 của Luật này.”

“5c. Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài là điều kiện nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng khi thực hiện hoạt động đầu tư trong những ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định, điều ước quốc tế về đầu tư.”

*Đánh giá tác động của giải pháp:*

- *Đối với nhà nước:* Theo quy định tại Điều 8 Luật Đầu tư, việc rà soát các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là một nhiệm vụ thường xuyên, liên tục. Các cơ quan tham gia vào quá trình này ngoài Bộ Kế hoạch và Đầu tư còn nhiều các Bộ, ngành, cơ quan nhà nước khác. Do vậy, việc có một khái niệm rõ ràng, thống nhất tại Luật Đầu tư về điều kiện đầu tư kinh doanh là nhân tố quan trọng đảm bảo quá trình rà soát các điều kiện đầu tư kinh doanh được thực hiện một cách thống nhất và minh bạch.

- *Đối với hệ thống pháp luật:* Theo quy định của Luật Đầu tư, việc quy định ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thống nhất thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư. Do vậy, việc làm rõ nội hàm, tiêu chí xác định một ngành, nghề cần phải được quy định là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện sẽ đảm bảo tính thống nhất của hệ thống quy định pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh từ Luật Đầu tư cho tới các quy định của pháp luật chuyên ngành.

*2.3.2 Sửa đổi khoản 1 Điều 7 để làm rõ tiêu chí, nội hàm của “ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện” và bổ sung nội dung:*

+ Giao Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí xác định ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

+ Giao Chính phủ quy định chi tiết hoạt động đầu tư, kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong một số ngành, nghề và địa bàn nhằm bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ tài nguyên và môi trường...

*Đánh giá tác động của giải pháp*

*- Đối với nhà đầu tư và xã hội:* Việc làm rõ tiêu chí xác định ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện cung cấp cho nhà đầu tư và xã hội một công cụ quan trọng để thực hiện vai trò giám sát, phản biện đối với quá trình sửa đổi, bổ sung, xóa bỏ các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, từ đó góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về vấn đề này.

*- Đối với Nhà nước:* Tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể hơn để các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư xác định điều kiện đầu tư, thủ tục thực hiện dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, qua đó tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

*2.3.3. Bãi bỏ 21 ngành, nghề không đáp ứng yêu cầu đặt ra vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư, bao gồm:*

+ Kinh doanh dịch vụ xoa bóp;

- Kinh doanh dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại;

- Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ;

- Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LGP);

- Xuất khẩu gạo;

- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh;

- Nhượng quyền thương mại;

- Kinh doanh dịch vụ Logistic;

- Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển;

- Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản;

- Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư

- Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư;

- Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng;

- Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện

- Kinh doanh sản phẩm amiăng trắng thuộc nhóm Serpetine

- Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì;

- Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy;

- Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim;

- Kinh doanh dịch vụ lữ hành;

- Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu;

- Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng.

*Đánh giá tác động của giải pháp*

*- Đối với Nhà nước:*

*+* Tạo thuận lợi cho công tác quản lý vì một số ngành, nghề và điều kiện đầu tư kinh doanh bất hợp lý, thiếu tính khả thi sẽ được bãi bỏ.

+ Việc bãi bỏ một số ngành, nghề và điều kiện đầu tư kinh doanh bất hợp lý, thiếu tính khả thi giúp cắt giảm các hoạt động quản lý nhà nước không cần thiết, làm cơ sở tinh gọn bộ máy, giảm chi tiêu ngân sách.

*- Đối với người dân và doanh nghiệp:* Cắt giảm thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp.

***2.4. Kết luận, kiến nghị***

Việc thực hiện sửa đổi, bổ sung như dự thảo Nghị định cho phép tiếp tục hiện thực hóa quyền tự do kinh doanh của người dân quy định tại Điều 33 Hiến pháp. Do vậy, việc chấp thuận các phương án sửa đổi này là cần thiết và giúp tạo ra các động lực thúc đẩy hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

**3. Chính sách 3:**

Hoàn thiện các quy định của Luật Đầu tư về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, bảo đảm đầu tư.

***3.1. Xác định vấn đề bất cập***

- Nguyên tắc không hồi tố là biện pháp bảo đảm đầu tư quan trọng, góp phần tạo môi trường đầu tư an toàn, tin cậy cho nhà đầu tư, nhất là trong bối cảnh hệ thống pháp luật đầu tư đang trong quá trình hoàn thiện, có nhiều thay đổi gây xáo trộn hoạt động đầu tư của nhà đầu tư. Tuy nhiên, Luật Đầu tư mới chỉ quy định bảo đảm ưu đãi đầu tư trong trường hợp thay đổi luật pháp, chính sách và chưa quy định nguyên tắc không hồi tố về điều kiện đầu tư trong trường hợp pháp luật, chính sách thay đổi làm ảnh hưởng bất lợi đến điều kiện đầu tư đã được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Ngành, nghề ưu đãi tại Luật Đầu tư chưa thống nhất với một số chính sách theo quy định của pháp luật về đất đai và giáo dục đại học.

***3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Nâng cao sức hấp dẫn, cạnh tranh của môi trường đầu tư, kinh doanh và đồng bộ hóa chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai và luật chuyên ngành.

***3.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của từng giải pháp***

*3.3.1. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 13 theo hướng bổ sung nguyên tắc không hồi tố về điều kiện đầu tư trong trường hợp pháp luật, chính sách thay đổi làm ảnh hưởng bất lợi đến điều kiện đầu tư.*

*3.3.2. Sửa đổi Khoản 4 Điều 15 để loại bỏ dự án nhà ở thương mại ra khỏi đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo tiêu chí địa bàn và quy mô vốn nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về thuế.*

*3.3.3. Sửa đổi Điểm i Khoản 1 Điều 16 để bổ sung giáo dục đại học vào Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về giáo dục đại học.*

*Đánh giá tác động của giải pháp:*

(1) Tác động tích cực:

- Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp, bảo đảm nguyên tắc công bằng trong áp dụng pháp luật giữa các đối tượng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; Nâng cao hơn nữa trách nhiệm của các cơ quan quản lý trong quá trình quản lý hoạt động đầu tư;

- Cụ thể hóa cam kết của Việt Nam về đối xử tối huệ quốc theo các Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư.

- Tạo sự thống nhất, đồng bộ trong các quy định về khuyến khích đầu tư, cụ thể là thống nhất về ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư với quy định tại Điều 110 của Luật Đất đai và quy định “Đầu tư trong lĩnh vực giáo dục là hoạt động đầu tư đặc thù thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện và được ưu đãi đầu tư” tại Điều 13 Luật giáo dục 2005 (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 44/2009/QH12).

(2) Tác động tiêu cực:

Trong bối cảnh hệ thống pháp luật đang trong quá trình hoàn thiện, việc thi hành pháp luật còn hạn chế thì việc mở rộng cam kết bảo đảm đầu tư sẽ là thách thức đối với cơ quan quản lý vì điều này có thể phát sinh nguy cơ Chính phủ bị khởi kiện khi các cơ quan quản lý không thực hiện đúng cam kết.

***3.4. Kết luận, kiến nghị***

Việc sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến ưu đãi và bảo đảm đầu tư như dự thảo một mặt duy trì sự ổn định của môi trường đầu tư kinh doanh, mặt khác đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của các quy định có liên quan đối với một số ngành, lĩnh vực cụ thể.

**4. Chính sách 4:**

Hoàn thiện các quy định về thủ tục đầu tư, kinh doanh.

***4.1. Xác định vấn đề bất cập***

- Luật Đầu tư chưa quy định cụ thể về khái niệm, mục đích, giá trị pháp lý, phạm vi áp dụng của thủ tục quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với từng hình thức đầu tư và nguồn vốn sử dụng, đồng thời chưa phân định rõ thủ tục quyết định chủ trương đầu tư với thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tương ứng của Luật Đất đai và Luật Đấu thầu.

- Luật chưa có quy định hợp lý về phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính cũng như thực tiễn hoạt động đầu tư.

- Một số quy định của Luật Đầu tư về hình thức đầu tư, thủ tục thành lập tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, thủ tục góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và thủ tục triển khai dự án đầu tư (như điều chỉnh, tạm ngừng, giãn tiến độ, chấm dứt dự án đầu tư…) còn một số nội dung thiếu cụ thể, khả thi và đồng bộ với quy định của các luật có liên quan.

***4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư kinh doanh, giảm thời gian và chi phí tuân thủ của người dân và doanh nghiệp.

***4.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của từng giải pháp***

*4.3.1. Bổ sung Điều 32a để làm rõ khái niệm, mục đích và bản chất của chủ trương đầu tư, đồng thời sửa đổi các quy định về hồ sơ, nội dung thẩm định, nội dung quyết định chủ trương đầu tư tại Điều 33 Luật Đầu tư.*

*Đánh giá tác động của giải pháp*

- *Đối với cơ quan quản lý nhà nước,* việc bổ sung khái niệm, làm rõ bản chất và mục đích của quyết định chủ trương đầu tư sẽ giúp cơ quan nhà nước xác định rõ mục tiêu quản lý trong việc sử dụng công cụ quyết định chủ trương đầu tư để thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước của mình từ đó có các yêu cầu phù hợp về hồ sơ, nội dung thẩm định trong quá trình quyết định chủ trương đầu tư.

*- Đối với hệ thống pháp luật,* Luật Đầu tư 2014 quy định về thủ tục quyết định chủ trương đầu tư như là một phương thức để thực hiện quản lý nhà nước đối với các dự án sử dụng nguồn lực nhà nước, đầu tư vào các lĩnh vực, địa bàn nhà nước cần phải quản lý chặt chẽ hơn so với bình thường. Do vậy, việc bổ sung quy định về nguyên tắc thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, giá trị pháp lý của quyết định chủ trương đầu tư sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống quy định của pháp luật đối với viếc quản lý đầu tư tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, phương án sửa đổi cũng phân định rõ thủ tục quyết định chủ trương đầu tư với thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tương ứng của Luật Đất đai và Luật Đấu thầu.

*4.3.2. Bổ sung Điều 35a để quy định cụ thể về các trường hợp điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư*

Việc bổ sung Điều 35a là việc luật hóa quy định về điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư đang được quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP.

*Đánh giá tác động của giải pháp*

*- Đối với cơ quan quản lý nhà nước và nhà đầu tư:* Bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc điều chỉnh các dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

*- Đối với hệ thống pháp luật:* góp phần hoàn thiện quy định về quyết định chủ trương đầu tư tại Luật Đầu tư.

*4.3.3. Sửa đổi quy định về quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo hướng:*

- Quy định rõ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ trong lĩnh vực hàng không và cảng biển, theo đó quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; xây dựng và kinh doanh cảng biển loại I.

- Bãi bỏ quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên.

- Bãi bỏ quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án của nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực: kinh doanh vận tải biển; kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ 100% vốn nước ngoài.

- Bổ sung thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện tại địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Bổ sung nội dung quy định rõ không phải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án phù hợp với quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt. Trong trường hợp này, Ban quản lý quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thực hiện ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

*Đánh giá tác động của giải pháp*

- Tạo sự chủ động, linh hoạt cho UBND cấp tỉnh và Ban Quản lý KCN, KCX, KCNC, KKT. Giảm tải các hoạt động sự vụ, giúp Thủ tướng Chính phủ tăng cường hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành.

- Minh bạch quy trình, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư. Mở rộng và bảo đảm quyền tự chủ quyết định hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

*4.3.4. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh theo hướng*

- Quy định rõ về phạm vi dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cụ thể là dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua một trong các hình thức sau: (1) Đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; (2) Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất; (3) Dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

- Bổ sung thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhưng do hộ gia đình, cá nhân thực hiện.

*Đánh giá tác động của giải pháp*

- Tăng cường việc quản lý nhà nước đối với đầu tư nước ngoài tại một số địa bàn liên quan đến quốc phòng, an ninh, trật tự.

- Việc tiếp tục phân cấp cho UBND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án của hộ gia đình, cá nhân tạo sự chủ động, linh hoạt cho UBND cấp huyện và đồng bộ với quy định về giao, cho thuê đất đối với cá nhân, hộ gia đình tại Luật Đất đai.

*4.3.5. Sửa đổi khoản 1 Điều 37 nhằm hợp lý hóa thủ tục quyết định chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, cụ thể:*

- Quy định rõ quyết định chủ trương là một bước do các cơ quan quản lý thực hiện trong quy trình cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

- Bổ sung quy định cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư đã được quyết định chủ trương đầu tư không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư.

*Đánh giá tác động của giải pháp:* Minh bạch, cụ thể hóa thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho nhà đầu tư.

*4.3.6. Sửa đổi Điều 26 theo hướng:*

- Thu hẹp các trường hợp nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài chỉ thực hiện thủ tục đăng ký trong các trường hợp: (1) Làm tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế kinh doanh ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; (2) Làm tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài từ dưới 51% lên 51% trở lên; (3) Làm tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài khi nhà đầu tư nước ngoài đã sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên trong tổ chức kinh tế.

- Bổ sung thủ tục chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp đối với trường hợp đầu tư vào doanh nghiệp phân phối, doanh nghiệp đang sở hữu những cơ sở hạ tầng quan trọng hoặc doanh nghiệp sử dụng đất tại các khu vực liên quan đến an ninh, quốc phòng.

*Đánh giá tác động của giải pháp*

*- Đối với cơ quan quản lý nhà nước:*

*+* Tạo đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật về đất đai đối về việc sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn ven biển, biên giới của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

+ Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng đối với hoạt động góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn ven biển, biên giới.

*- Đối với nhà đầu tư*: Minh bạch quy trình, thủ tục đầu tư thông qua hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp.

*4.3.8* *Sửa đổi điểm b Khoản 2 Điều 26, điểm b Khoản 1 Điều 33, điểm b Khoản 1 Điều 55, Điểm b Khoản 2 Điều 59, Điểm b Khoản 2 Điều 61 Luật Đầu tư theo hướng bãi bỏ yêu cầu về thành phần hồ sơ là “Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân” trong trường hợp có số định danh cá nhân để thống nhất với quy định tương ứng của Luật Căn cước công dân và Luật Hộ tịch.*

*Đánh giá tác động của giải pháp*

Bảo đảm thống nhất giữa Luật Đầu tư với Luật Căn cước công dân và Luật Hộ tịch.

***4.4. Kết luận, kiến nghị***

Qua việc phân tích các bất cập cũng như giải pháp đưa ra trong dự thảo Luật đã cho thấy việc thực hiện phương án đề xuất tại dự thảo Luật sẽ góp phần tích cực vào việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải cách thủ tục hành chính trong thực hiện thủ tục đầu tư kinh doanh.

**5. Chính sách 5:**

Hoàn thiện quy định về hình thức đầu tư, thủ tục đầu tư ra nước ngoài và quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

***5.1. Xác định vấn đề bất cập***

- Các quy định về cấp Giấy chứng nhận đầu tư và quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài còn tồn tại những hạn chế cơ bản là: chưa xác định rõ mục đích quản lý của nhà nước là kiểm soát nguồn tiền chuyển ra nước ngoài hay quản lý toàn bộ hoạt động đầu tư ở nước ngoài; thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài chưa được hướng dẫn chi tiết, kịp thời; một số hình thức đầu tư mới phát sinh trong quá trình thực hiện các hoạt động đầu tư ra nước ngoài chưa được quy định trong Luật nên việc triển khai còn lúng túng; cơ chế phối hợp trong quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài còn thiếu cụ thể…

- Chưa phân định rõ phạm vi điều chỉnh giữa Luật Đầu tư và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp về nội dung, phạm vi, trách nhiệm quản lý nhà nước giữa các Bộ, ngành đối với dự án đầu tư ra nước ngoài sử dụng vốn nhà nước thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

***6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Xác định rõ mục đích, nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

- Đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

***6.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của từng giải pháp***

*6.3.1. Sửa đổi Điều 58, 59, 60 và 61 để đối mới cơ chế quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo hướng bãi bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài và thay bằng cơ chế đăng ký hoạt động chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài tại Cơ quan nhà nước quản lý ngoại hối.*

*Đánh giá tác động của giải pháp*

Pháp luật quản lý ngoại hối và pháp luật về xuất nhập khẩu đã quy định về việc quản lý ngoại hối và quản lý việc xuất khẩu, nhập khẩu máy móc qua biên giới một cách chặt chẽ. Do vậy, trường hợp không làm rõ được mục tiêu quản lý khác của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài thì việc bỏ Giấy này cũng sẽ không ảnh hưởng tới yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

*6.3.2. Sửa đổi, bổ sung các Điều 55, 61 và 66 để làm rõ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư với thẩm quyền quyết định đầu tư theo Luật quản lý, sử dụng vốn đầu tư tại doanh nghiệp và đơn giản hóa hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài.*

*Đánh giá tác động của giải pháp*

Việc xác định cụ thể phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư trong trường hợp sử dụng vốn nhà nước để thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài sẽ tạo ra sự minh bạch cho quá trình đầu tư và đảm bảo chặt chẽ trong việc quản lý nhà nước đối với hoạt động này.

***6.4 Kết luận và kiến nghị***

Với các đề xuất sửa đổi, bổ sung, dự thảo Luật đã làm rõ mục tiêu, yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài, từ đó xác định các công cụ, cách thức phù hợp nhất để thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động này. Do vậy, việc thực hiện theo đề xuất sửa đổi sẽ góp phần cải cách thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp.

**7. Chính sách 7:**

Hoàn thiện các quy định về đăng ký doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp.

**7*.1. Xác định vấn đề bất cập***

- Quy định tại Điều 3 của Luật Doanh nghiệp cho phép áp dụng luật chuyên ngành liên quan đến thủ tục thành lập doanh nghiệp dẫn đến phân tán đầu mối đăng ký thành lập doanh nghiệp, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi có yêu cầu thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp thành lập theo Luật chuyên ngành.

- Một số quy định về quản trị doanh nghiệp thiếu linh hoạt, thiếu khả thi, tạo gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh.

*-* Quy định về thời hạn góp vốn điều lệ (90 ngày) là quá ngắn, thiếu khả thi đối với các doanh nghiệp thành lập để thực hiện các dự án có quy mô vốn đầu tư lớn.

***7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Thống nhất thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, phân định rõ phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

- Nâng cao tính minh bạch, khả thi trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp.

***7.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của từng giải pháp***

*7.3.1. Sửa đổi Điều 3 Luật Doanh nghiệp để thực hiện thống nhất thủ tục đăng ký doanh nghiệp, thông tin doanh nghiệp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh nhằm khắc phục tình trạng phân tán đầu mối đăng ký thành lập doanh nghiệp, tách bạch giữa quản lý đăng ký doanh nghiệp và quản lý chuyên ngành. Theo đó, trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc tổ chức, quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của Luật đó.*

*Đánh giá tác động của giải pháp*

Tạo thống nhất đồng bộ về thủ tục thành lập doanh nghiệp. Tách bạch giữa đăng ký doanh nghiệp và quản lý chuyên ngành.

*7.3.2. Sửa đổi Khoản 2 Điều 48, Khoản 2 Điều 74 và Khoản 1 Điều 112 Luật Doanh nghiệp theo hướng thay đổi thời hạn góp vốn điều lệ khi thành lập doanh nghiệp từ 90 ngày thành 36 tháng để bảo đảm tính khả thi, đủ thời gian cần thiết cho thành viên, cổ đông góp vốn điều lệ, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn điều lệ lớn.*

*Đánh giá tác động của giải pháp*

*- Đối với người thành lập doanh nghiệp:* bảo đảm có đủ thời gian cần thiết để người thành lập doanh nghiệp góp vốn điều lệ.

*- Đối với bên thứ ba,* việc kéo dài thời gian góp vốn điều lệ ít nhiều tạo thêm rủi ro với bên thứ ba tham gia các giao dịch với doanh nghiệp trong thời gian vốn điều lệ chưa được góp đủ. Tuy nhiên, với quy định người thành lập doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn cam kết giúp sẽ góp phần hạn chế rủi ro này.

*7.3.3. Sửa đổi các quy định liên quan đến tổ chức, hoạt động, quản trị doanh nghiệp (các Điều 146, 154, 163, 164) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và quản trị của các doanh nghiệp.*

*Đánh giá tác động của giải pháp*

- Việc bổ sung quy định này để đảm bảo giá trị pháp lý của nghị quyết, biên bản họp đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo giải quyết đầy đủ và kịp thời lợi ích hợp pháp của công ty và cổ đông, thành viên có liên quan.

- Giảm gánh nặng về quản trị doanh nghiệp đồng thời vẫn đảm bảo được yêu cầu về năng lực chuyên môn đối với thành viên kiểm soát công ty.

- Đơn giản hóa tiêu chuẩn và điều kiện đối với kiểm soát viên của công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

*7.3.4. Sửa đổi các Điều 20, 21, 22, 23, 29 và 46 Luật Doanh nghiệp theo hướng bãi bỏ yêu cầu về thành phần hồ sơ là “Bản sao Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác” trong trường hợp có số định danh cá nhân để thống nhất với quy định của Luật Căn cước công dân và Luật Hộ tịch.*

*Đánh giá tác động của giải pháp*

Đảm bảo thống nhất với các quy định về căn cước công dân và hộ tịch.

*7.3.5. Sửa đổi Khoản 8 và Khoản 9 Điều 24 Luật Doanh nghiệp theo hướng bãi bỏ quy định về “địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác" để thống nhất với quy định của Luật Căn cước công dân và Luật Hộ tịch.*

*Đánh giá tác động của giải pháp*

Đảm bảo thống nhất với các quy định về căn cước công dân và hộ tịch.

***7.4. Kết luận và kiến nghị***

Việc sửa đổi các quy định về đăng ký và quản trị doanh nghiệp sẽ có tác động lớn và tích cực tới hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam. Các sửa đổi này sẽ giúp giảm bớt hồ sơ, giấy tờ trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, tạo thêm thời gian để người thành lập doanh nghiệp thực hiện cam kết cũng như sửa đổi các quy định chưa phù hợp liên quan đến quản trị doanh nghiệp của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

# III. LẤY Ý KIẾN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức nhiều cuộc họp với các bộ, cơ quan ngang bộ, đại diện Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh, trong đó có nội dung Báo cáo đánh giá tác động chính sách. Trên cơ sở ý kiến góp ý, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Báo cáo.

**IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

- Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

- Cơ quan giám sát thực hiện chính sách: Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội./.

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**